

Số : /TTr/HĐQT

Bình Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2021

## **TỜ TRÌNH**

### **V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Trên cơ sở những thay đổi của Pháp luật và tình hình hoạt động thực tế tại Công ty Cổ phần chế biến gỗ Thuận An. Hội đồng quản trị đã xem xét, sửa đổi, bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ Công ty, với mục tiêu ngày càng hoàn thiện và chặt chẽ hơn. Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính được nêu cụ thể trong Phụ lục 01 đính kèm.

Ngoài các sửa đổi tại Phụ lục 01, Điều lệ cũng có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng và một số dẫn chiếu trong Điều lệ, để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi nội dung). Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số điều, khoản thì thứ tự và trật tự của một số điều, khoản của Điều lệ mới cũng được thay đổi tương ứng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Điều lệ mới của Công ty. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực từ ngày ..... ..thay thế cho Điều lệ hiện hành. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**TRẦN THỊ KIM THANH**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Đăng Web công ty;
- Lưu : VT Công ty.

**PHỤ LỤC 01**  
**NỘI DUNG CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

<b>Điều. khoản liên quan</b>	<b>Nội dung Điều lệ hiện hành</b>	<b>Nội dung được sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi, bổ sung</b>
<b>Điều 1.1</b>	b. Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2014	b. Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 1.1</b>	j. Cổ đông ” <u>có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu</u>	j. Cổ đông là <u>cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần</u>	Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 11.1</b>	Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty		Bỏ Theo Điều lệ mẫu.
<b>Điều 11.3</b>	<u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên thì có các quyền sau:</u> a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên thì có quyền đề cử thành viên HĐQT, BKS theo quy định tương ứng ở Điều 24.3 và Điều 35.2 của Điều lệ này	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>5%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên thì có các quyền sau:	Chuyển mục (a) sang khoản mới thuộc Điều 11 theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 11</b>		Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên thì có quyền đề cử thành viên HĐQT, BKS theo quy định tương ứng ở Điều 24.3 và Điều 35.2 của Điều lệ này.	Sửa theo Điều lệ mẫu

<p><b>Điều 12.2</b></p>	<p>Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, <u>tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u>, hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa khác. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Bổ sung hình thức tham dự trực tuyến theo Luật Doanh nghiệp mới</p>
<p><b>Điều 12.6</b></p>		<p>d. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp mới</p>
<p><b>Điều 17.2</b></p>	<p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không <u>không</u> quá 30 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không</u> quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới</p>

<p><b>Điều 17.3</b></p>	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc</u>. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc</u>. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. <u>Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty</u>. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận. <u>Trường hợp tổ chức họp trực tuyến trên giấy mời họp phải có hướng dẫn cụ thể cách truy cập trực tuyến, đồng thời trên trang Web của công ty phải có hướng dẫn chi tiết</u>.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp mới</p>
-------------------------	--	--	--

<b>Điều 18.1</b>	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>trên 50%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 19.13</b>		Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo đề cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 20. 3</b>	Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.	Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.	Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 21. 8</b>	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện cho <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới

<p><b>Điều 22</b></p>		<p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp mới</p>
<p><b>Điều 24. 1</b></p>	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>ít nhất là ba (3) người và nhiều nhất là mười một (11) người, theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Pháp luật về Chứng khoán hiện hành.</p>	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>là năm (05) người.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Pháp luật về Chứng khoán hiện hành.</p>	<p>Sửa theo Điều lệ mẫu</p>

<p><b>Điều 24. 3</b></p>	<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần</u> có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>10%</u> được đề cử tối đa một (một) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới</p>
<p><b>Điều 26. 1</b></p>	<p>Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc điều hành trừ trường hợp tỷ lệ nắm giữ của Nhà nước trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và pháp luật về chứng khoán không có quy định khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u></p>	<p>Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc công ty</u></p>	<p>Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới</p>
<p><b>Điều 29. 3</b></p>		<p>Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 162 của Luật Doanh Nghiệp</p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp mới</p>

<b>Điều 35. 1</b>	Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 35. 2</b>	Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ 5% đến dưới 30% tổng số cổ phần</u> có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số lượng các ứng viên Ban kiểm soát.	Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần</u> có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số lượng các ứng viên Ban kiểm soát.	Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 35. 4</b>	Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên được quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.</u>	Sửa theo Luật Doanh nghiệp mới

Thay đổi thứ tự điều dẫn chiếu trong Điều lệ theo Luật Doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung

<b>Điều, khoản liên quan</b>	<b>Nội dung Điều lệ hiện hành</b>	<b>Nội dung được sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lý do sửa đổi, bổ sung</b>
<b>Điều 1. 1</b>	e. Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.	e . Điều 4.23 Luật Doanh nghiệp.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 9. 4</b>	khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp Điều 112 Luật Doanh nghiệp	khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp Điều 113 Luật Doanh nghiệp	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 13. 3</b>	a. Điều 159 của Luật Doanh nghiệp	a . Điều 165 Luật Doanh nghiệp	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 13. 4</b>	b. Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	b. Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới
	c. Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	c. Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 14. 2</b>	a. Khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp	a. Khoản 1 Điều 165 Luật Doanh nghiệp	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 25. 4</b>	Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp	Điều 109.2 Luật Doanh nghiệp Điều 121.3 Luật Doanh nghiệp	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 35. 1</b>	Điều 164 Luật doanh nghiệp.	Điều 168 Luật Doanh nghiệp.	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới
<b>Điều 36. 1</b>	Điều 165 của Luật Doanh nghiệp	Điều 170 của Luật Doanh nghiệp	Phù hợp Luật Doanh nghiệp mới